

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 620/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 9 - 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ;

Ông Lê Trung Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 452/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 624/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. (Xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thiện P, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày: Bà và ông P do tìm hiểu và yêu thương nhau chung sống năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau, ông P không chăm lo cho gia đình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân gần 02 năm. Nay không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với ông P.

- *Về con chung:* Bà và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2005 đã thành niên và có khả năng lao động được, Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2009, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thiện P trình bày tại biên bản hoà giải ngày 05/8/2024: Về hôn nhân ông P đồng ý ly hôn. Về con chung: Thống nhất ông và bà L chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2005 đã thành niên và có khả năng lao động được, Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2009 ly hôn đồng ý giao cháu H cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm: Số tiền nhận bồi thường từ đất nông nghiệp vô quy hoạch là 720.000.000đ, sau đó vợ chồng trả tiền vay 130.000.000đ, trả cho ba vợ 50.000.000đ, tiêu xài cá nhân 17.000.000đ, tổng cộng là 197.000.000đ, còn lại 523.000.000đ do vợ giữ và mang đi trong thời gian ly thân vợ có dùng số tiền này mua căn nhà ở riêng hết 170.000.000đ, tôi tính số tiền vợ nuôi con trong thời gian ly thân 100.000.000đ, nên số tiền chung còn lại của vợ chồng là 253.000.000đ và 01 căn nhà trị giá hiện tại là 240.000.000đ; về số vàng là 01 dây chuyền và 02 bộ vòng khi đi vợ có mang theo không rõ trọng lượng vàng nhưng vợ nói đã bán dây chuyền được 11.000.000đ, 02 bộ vòng được 33.000.000đ thì ông cũng thống nhất theo giá và số tiền vợ bán; 01 chiếc xe Vison (vợ chồng cùng mua khi còn chung sống do vợ đứng tên) tất cả tài sản trên đều do vợ quản lý, yêu cầu chia theo pháp luật. Nợ chung không yêu cầu.

* Toà án đã ra Thông báo về việc thực hiện thủ tục nộp đơn yêu cầu phản tố đối với ông Nguyễn Thiện P về việc yêu cầu chia tài sản chung. Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo trên cho ông P, nhưng ông P không thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố, nên Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà;

Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thiện P trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Bà L khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt xét xử lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà L và ông P chung sống năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, nay không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, đã ly thân gần 02 năm, không còn tình cảm nên bà L cương quyết xin ly hôn. Quá trình hoà giải ông P cũng thống nhất đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà L và ông P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng

không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bích L và ông Nguyễn Thiện P.

- Về con chung: Bà L và ông P chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2005 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2009, ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, cháu T sinh năm 2005 đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu H, sinh năm 2009 đang ở với bà L, do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng muốn ở với bà L, bà L có yêu cầu nuôi cháu H và ông P thống nhất giao cháu H cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2009 cho bà Trần Thị Bích L được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 80 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án ông P có yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông P không thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố theo thông báo của Tòa án, đồng thời ngày 16/9/2024 ông P có văn bản tường trình ý kiến về tài sản chung ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ông P có quyền khởi kiện về tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà L và ông P thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Bà L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bích L và ông Nguyễn Thiện P.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2009 cho bà Trần Thị Bích L được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thiện P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005868 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ